

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực tập rèn nghề Nông nghiệp Công nghệ cao (Career development skill of innovative agriculture) Thực tập cơ sở - Nông nghiệp Công nghệ cao (Internship – Innovative agriculture)

- Mã số học phần: NS189
- Số tín chỉ học phần: 5 tín chỉ
- Số tiết học phần: 150 tiết thực tế.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Khoa: Khoa học Đất
- Trường: Nông nghiệp

3. Điều kiện:

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên cuối năm thứ 3.
- Điều kiện song hàng: Không

4. Mục tiêu của học phần :

- Giúp sinh viên tiếp cận với các vấn đề thực tế trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, vận hành các kỹ thuật và công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.
- Giúp sinh viên định hướng và hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho từng cá nhân.

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
4.1	<ul style="list-style-type: none">- Ứng dụng được kiến thức chuyên sâu về dinh dưỡng đất, dinh dưỡng cây trồng, kỹ thuật canh tác, biện pháp quản lý và cải tạo đất ứng dụng và phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.- Nắm vững các kiến thức thực tế sản xuất, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao	2.1.3a 2.1.3b 2.1.3c
4.2	<ul style="list-style-type: none">- Thực tập tại phòng thí nghiệm, nhà xưởng cũng như các trang trại và cánh đồng mẫu lớn.- Hiểu và biết nguyên lý vận hành thiết bị phân tích và sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao	2.2.1a 2.2.1b
4.3	<ul style="list-style-type: none">- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các lĩnh vực về nông nghiệp công nghệ cao- Có kỹ năng phản biện, kỹ năng giao tiếp và ứng xử tại đơn vị thực tập	2.2.2.a; 2.2.2.b
4.4	<ul style="list-style-type: none">- Giúp sinh viên phát huy tinh thần trách nhiệm, tác phong làm	2.3

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
	việc hiệu quả và khoa học - Có ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần tự giác trong công việc - Giúp sinh viên rèn luyện thái độ giao tiếp đúng mực phù hợp với văn hoá nơi thực tập - Có ý thức học tập, chủ động lên kế hoạch thực tập cho bản thân, luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành được tiếp cận	

5. Chuẩn đầu ra học phần

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		
CO1	Ứng dụng được kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được thực tập Biết được các nguyên lý sử dụng các công nghệ tại cơ sở thực tập	4.1	2.1.3a 2.1.3b
CO2	Vận dụng kiến thức chuyên môn và các kỹ năng (đã được trang bị thông qua các môn học chuyên ngành) vào ứng dụng thực tế tại các cơ sở thực tập.	4.1	2.1.3c
	Kỹ năng		
CO3	- Phát triển kỹ năng làm việc các nhân, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp - Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động liên quan đến lãnh vực chuyên môn	4.2	2.2.1a 2.2.1b
CO4	- Rèn luyện kỹ năng viết báo cáo khoa học và kỹ năng thuyết trình và sử dụng thành thạo các trợ huấn cụ trong báo cáo và thuyết trình	4.3	2.2.2.a; 2.2.2.b
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CO5	- Giúp sinh viên phát huy tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc hiệu quả và khoa học - Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tự giác trong công việc - Giúp sinh viên rèn luyện thái độ giao tiếp đúng mực phù hợp với văn hoá nơi thực tập	4.4	2.3

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Đây là học phần mở, nội dung của học phần nhằm tổ chức cho sinh viên tiếp cận, học tập và tham gia nghiên cứu, ứng dụng chuyên ngành Nông nghiệp Công nghệ cao trong các hệ thống sản xuất và quản lý nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp công nghệ cao.... Sinh viên chủ động chia nhóm và đi thực tập rèn nghề dưới sự hướng dẫn và đánh giá của cán bộ tại cơ sở thực tập và cán bộ giảng dạy tại bộ môn.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

7.1. Lý thuyết: không

7.2. Thực hành, thực tế: 225 tiết thực đi thực tế, tương đương 1 đến 3 tháng thực tập tại cơ sở. Tại mỗi cơ sở thực tập, sinh viên có thể làm việc cá nhân hoặc chia thành các nhóm nhỏ mỗi nhóm từ 2- 4 sinh viên.

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
Phần 1	Giới thiệu môn học tại các cơ sở thực tập có thể tiếp nhận sinh viên Phổ biến các qui định liên quan đến môn học tại điểm thực tập	5	CO5
Phần 2	Sinh viên tham gia thực tập cơ sở: Sinh viên tham gia trực tiếp vào nghiên cứu, sản xuất tại các cơ sở thực tập để học và nắm rõ quy trình và cách thức sản xuất sản phẩm có liên quan đến nông nghiệp	200	CO1, CO2, CO3, CO5
Phần 3	Sinh viên viết báo cáo sau khi hoàn thành đợt thực tập rèn nghề về nội dung đã được học, kinh nghiệm, thái độ cũng như hạn chế trong quá trình thực tập từ đó nêu những ý kiến nhận xét, đề xuất, kiến nghị đối với cơ sở hoặc cơ quan quản lý	20	CO4
Phần 3 (Tự chọn)	Sinh viên có thể đăng ký học tập, nghiên cứu tại cơ sở thực tập để nâng cao kiến thức và kỹ năng cho sinh viên	Không quá 15 tiết	CO1-4

8. Phương pháp giảng dạy:

- Thực hành tại các cơ sở thực tập: làm việc cá nhân hoặc theo nhóm sau khi đã được tư vấn và giới thiệu tại các cơ sở thực tập.

- Phương pháp thảo luận nhóm

- Phương pháp viết bài báo cáo khoa học

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham gia thực tập đầy đủ 100% giờ thực tập
- Chấp hành nội quy, qui định về thời gian làm việc tại cơ sở thực tập
- Hoàn thành báo cáo kết quả thực tập cuối khóa.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Phiếu đánh giá kết quả thực tập rèn nghề	Do cán bộ hướng dẫn tại đơn vị thực tập đánh giá	50%	CO1-5
5	Báo cáo tổng kết	Báo cáo tổng kết sau khi hoàn thành đợt thực tập rèn nghề	50%	CO1-4

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

11. Tài liệu học tập:

- Các giáo trình và tài liệu từ các chương trình nghiên cứu của Bộ môn Khoa học Đất và các tài liệu chuyên ngành có liên quan tại các cơ sở thực tập.

- Trang điện tử về hoạt động của các sở ban ngành có liên quan đến Nông nghiệp ở các địa phương.

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Một số vấn đề về cây lúa / Bùi Huy Đáp.- 633.18/Đ109/1999	MOL.019806; MOL.019808; MON.112008; NN.010051; NN.010052; NN.010053; NN.010054
[2] Kỹ thuật trồng một số cây màu, thực phẩm, công nghiệp / Hà Thị Hiến.- 635/ H305/2001	MOL.001818; MOL.001820; MOL.001821; MON.109922; NN.011211; NN.011212; NN.011213; NN.011214; NN.011216

[3] Phòng trừ sâu bệnh hại cây hoa kiểng và cây ăn trái / Huỳnh Văn Thới.- 632.9/ Th462 P	MON.055148
[4] Xây dựng mô hình trồng rau an toàn dạng công nghệ cao cho hộ gia đình ở khu đô thị / Chủ nhiệm Trần Ngọc Liên, Lê Kim Hai ; Cán bộ hướng dẫn Trần Thị Ba, Võ Thị Bích Thủy .- 635/ L305	SRR.000238; SRR.000239
[5] Tập huấn quản lý chất lượng, công nghệ sau thu hoạch và quy trình nông nghiệp an toàn (GAP) cho sản xuất rau công nghệ cao.- Cần Thơ: Trường Đại học Cần Thơ, 2007.- 56 tr.: minh họa; 30 cm.- 635/ T123	NN.008472; NN.008473

11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

- Truy cập các website liên quan đến lĩnh vực sinh viên sắp thực hiện học tập tại cơ sở để tìm hiểu về chức năng và hoạt động của các cơ sở thực tập;
- Thường xuyên cập nhật thông tin về hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học của các đơn vị trong nước, của trường, của Bộ môn từ đó giúp sinh viên định hướng tham gia và thực hiện các nghiên cứu phục vụ cho chương trình học của sinh viên.

TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCT
 HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
 HIỆU TRƯỞNG

 Lê Văn Vàng

Cần Thơ, ngày...7 tháng...4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA



Trần Văn Dũng